Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-01-24 15:18:08 +07:00

QUỐC HỘI

Luật số: 139/2025/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm

1. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 3 như sau:

"3. Tổ chức, cá nhân có quyền tham gia góp vốn thành lập, quản lý, kiểm soát doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 3 Điều 63 như sau:

"b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài kinh doanh các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống;

c) Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 73 như sau:

"**Điều 73. Thời hạn chính thức hoạt động**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải chính thức hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản và được Bộ Tài chính

chấp thuận bằng văn bản về việc gia hạn thời gian chính thức hoạt động; thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.

Trước khi chính thức hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam chủ động thực hiện các công việc sau: đóng đủ vốn điều lệ hoặc vốn được cấp; bầu, bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật; bầu, bổ nhiệm các chức danh đã được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và ban hành các quy trình, quy chế theo quy định pháp luật; ký quỹ đầy đủ theo quy định của Luật này tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo cho Bộ Tài chính về việc hoàn thành các công việc quy định tại khoản 1 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày chính thức hoạt động; trường hợp có sự thay đổi về các chức danh đã được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc thì thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Luật này. Bộ Tài chính có quyền đình chỉ việc chính thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam khi chưa thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 74 như sau:

"b) Mở, chấm dứt, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 81 như sau:

"**Điều 81. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam**

Người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn chung là không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bầu, bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm và các điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể sau đây:

1. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên:

a) Có bằng đại học trở lên;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên có ít nhất 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại tổ chức hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản

trị, thành viên Hội đồng thành viên có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại tổ chức hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;

2. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật:

a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán trong đó có môn học về bảo hiểm hoặc có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;

b) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của tổ chức hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

3. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam:

a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác trong đó có môn học về bảo hiểm hoặc có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà doanh nghiệp được phép triển khai do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp;

b) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. Riêng đối với các trưởng bộ phận nghiệp vụ, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm;

c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

4. Người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ;

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này, nội dung đào tạo, hồ sơ, trình tự, thủ tục thi, cấp, thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước cấp.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 82 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Các chức danh Chuyên gia tính toán, Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh quản lý nào tại cùng tổ chức, trừ trường hợp Chuyên gia tính toán kiêm trưởng bộ phận định phí bảo hiểm; không được đồng thời làm việc tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động tại Việt Nam.

Chuyên gia tính toán thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Kế toán trưởng, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được kiêm nhiệm bất kỳ chức danh nào tại cùng tổ chức, trừ trường hợp Kế toán trưởng kiêm trưởng bộ phận tài chính kế toán; không được đồng thời làm việc tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động tại Việt Nam.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 87 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

"3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.

3a. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính trước khi áp dụng, thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới và phải thực hiện đúng phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo văn bản đã thông báo cho Bộ Tài chính.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 như sau:

"5. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký và thông báo phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều này.

6. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều này, việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm quy định tại khoản 4 Điều này.".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 101 như sau:

"**Điều 101. Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư**

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện việc tách, ghi nhận và theo dõi riêng đối với nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm sau đây:

a) Nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm và tài sản tương ứng của từng nguồn vốn;

b) Doanh thu, chi phí, kết quả từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động đầu tư của nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm;

c) Nguồn phí bảo hiểm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; doanh thu, chi phí, dự phòng nghiệp vụ, các khoản chi phí tương ứng từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải đăng ký và thực hiện theo phương pháp đã được Bộ Tài chính chấp thuận đối với nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, nguyên tắc phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi.

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm trước khi thực hiện và phải thực hiện theo đúng văn bản đã thông báo cho Bộ Tài chính.

3. Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký và thông báo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, nguyên tắc phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 127 như sau:

"1. Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ khác. Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài khác. Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe khác. Cá nhân đang làm đại lý bảo hiểm cho một tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô khác.".

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 134 như sau:

"**Điều 134. Cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm**

Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.".

11. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 138 như sau:

"3a. Việc đầu tư của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bảo đảm nguyên tắc an toàn, thanh khoản, hiệu quả; tuân thủ quy định pháp luật, tự chịu trách nhiệm về hoạt động đầu tư. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không được đầu tư dưới mọi hình thức cho các cổ đông, thành viên góp vốn hoặc người có liên quan với cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các cổ đông, thành viên là tổ chức tín dụng.".

12. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 151 như sau:

"đ) Kiểm tra chuyên ngành doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;".

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 154 như sau:

"**Điều 154. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

2. Khi xét thấy cần thiết, để thực hiện kiểm tra chuyên ngành hoạt động kinh doanh bảo hiểm, cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này có quyền thuê tổ chức kiểm toán độc lập, công ty tư vấn hoặc chuyên gia đánh giá, có ý kiến về chuyên môn đối với một số nội dung sau đây có dấu hiệu ảnh hưởng tới sự an toàn, lành mạnh của đối tượng kiểm tra và phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, không xung đột lợi ích:

a) Dự phòng nghiệp vụ;

b) Khả năng thanh toán;

c) Tái bảo hiểm;

d) Đầu tư;

đ) Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư;

e) Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập, công ty tư vấn hoặc chuyên gia được thuê chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của số liệu, tài liệu đánh giá, ý kiến về các nội dung đưa ra.

4. Thanh tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật thanh tra; kiểm tra chuyên ngành hoạt động kinh doanh bảo hiểm thực hiện theo Luật này và quy định của pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.".

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 156 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Khoản 3 Điều 86, khoản 4 và khoản 5 Điều 94, Điều 95, khoản 3 và khoản 4 Điều 99 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028. Các điều 109, 110, 111, 112, 113, 114 và 116 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2031.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b và bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 như sau:

"b) Điều 94 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027;

c) Các điều 77, 78, 79, 80, 81, 83 và 98 của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.";

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

"4. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo dõi, quản lý vốn, tính toán tỷ lệ an toàn vốn và có phương án, lộ trình tăng vốn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 157 như sau:

"2. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật này.".

Điều 2. Thay thế, bỏ cụm từ, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm của Luật Kinh doanh bảo hiểm

1. Thay thế cụm từ "hoạt động đầu tư xây dựng" bằng cụm từ "hoạt động xây dựng" tại Điều 8.

2. Thay thế cụm từ "an toàn thông tin" bằng cụm từ "an ninh mạng" tại Điều 11.

3. Thay thế cụm từ "thanh tra, kiểm tra" bằng cụm từ "kiểm tra chuyên ngành" tại Điều 152 và Điều 153.

4. Thay thế cụm từ "pháp luật về thanh tra" bằng cụm từ "pháp luật về kiểm tra chuyên ngành" tại Điều 153.

5. Bỏ cụm từ ", an toàn thông tin mạng" tại Điều 13.

6. Bỏ cụm từ ", dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới" tại Điều 6, cụm từ ", hoạt động dịch vụ phụ trợ bảo hiểm" tại Điều 9.

7. Bãi bỏ điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 64, Điều 69, khoản 3 Điều 71, khoản 3 Điều 117, điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 133.

8. Bãi bỏ Điều 143 và Điều 155.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Khoản 6 và khoản 8 Điều 2 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn